

thực vật còn cần có sự tham gia của những người nghiên cứu về toán học và vật lý học.

Cần thiết mô hình hóa trên cơ sở toán học và vật lý học những giống và ruộng gieo trồng có kết cấu bộ lá tốt để làm phương hướng cho những nhà chọn giống chọn những giống có thể năng quang hợp cao.

Chúng ta có một tập đoàn giống cây trồng rất phong phú nhưng chúng ta chưa biết được hoạt tính quang hợp của những giống cây trồng này. Ở những giống nào có hoạt tính quang hợp cao, ở những giống nào có hô

hấp ánh sáng, thì còn chưa rõ. Cần có những tài liệu về vấn đề này làm cơ sở và vật liệu khởi đầu để giúp các nhà di truyền giống làm công tác lai tạo.

Thực hiện những công tác trên, chúng ta sẽ góp phần tích cực vào việc thành tạo nên những giống mới có năng suất cao, đưa sản lượng cây trồng của ta tăng mạnh hơn nữa, nhằm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ do Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra về vấn đề nông nghiệp.

VỀ KẾ HOẠCH ĐỀ TÀI ĐẶT RA TRONG HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ III CHỐNG TỘI DIỆT CHỦNG CỦA MĨ Ở VIỆT-NAM MỞ RỘNG SANG LÀO VÀ CAMPUCHIA

ĐÀO VĂN TIẾN

Hội nghị chuyên đề lần thứ III chống tội diệt chủng của Mĩ ở Việt-nam mở rộng sang Lào và Campuchia (III Simposio contra el genocidio yanqui en Vietnam y su extension a Laos y Cambodia) họp tại Santiago de Cuba trong tháng 5-1972 vừa qua đã tập hợp nhiều cán bộ khoa học Cuba trong các lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên và một số các nhà khoa học và nhân sĩ trong phong trào hòa bình thuộc các nước Aghentina, Brazil, Chilê, Panama, Peru, Bắc Mĩ, Campuchia, Lào và Việt-nam. Hội nghị chuyên đề lần này có mục đích và nội dung hơi khác với các hội nghị chuyên đề lần thứ I và lần thứ II.

Hội nghị chuyên đề lần thứ I chống tội diệt chủng ở Việt-nam được tổ chức ở La Habana, thủ đô Cuba, vào tháng 7 năm 1966, giới thiệu tất cả những tư liệu và những dẫn chứng nhằm tố cáo với toàn thế giới tội diệt chủng của đế quốc Mĩ gây ra ở miền Nam Việt-nam, và kêu gọi tất cả các nhà khoa học và tất cả mọi người có lương tri trên thế giới lên tiếng

phản đối tội ác đó. Hội nghị đã thảo luận 20 báo cáo và tham luận, tập trung vào tội diệt chủng ở Việt-nam của Mĩ về các mặt luật học, sinh vật học, địa lý học, nông học và i học.

Hội nghị chuyên đề lần thứ II họp vào tháng 10 năm 1968 tại một số địa phương ở Cuba và thủ đô La Habana. 14 báo cáo và tham luận được trình bày tại hội nghị nhằm giới thiệu lịch sử và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam, bản chất của cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ hiện nay, nhằm tiếp tục tố cáo với thế giới tội diệt chủng của Mĩ.

Hội nghị chuyên đề lần thứ III có mục đích xây dựng một kế hoạch đề tài tập trung có hệ thống tất cả những số liệu biết được từ trước tới nay liên quan đến tội diệt chủng của Mĩ không những ở Việt-nam mà còn ở Lào và Campuchia, đề các nhà khoa học trên thế giới quan tâm và có thái độ tích cực đối với cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân các nước này.

Qua hội nghị chuyên đề lần thứ III đã xây dựng được 7 đề tài chung và 52 đề tài chuyên ngành trong các lĩnh vực luật pháp, khoa học kỹ thuật, kinh tế và văn hóa giáo dục (1). Tổng số 59 đề tài này nhằm nghiên cứu tác dụng của cuộc chiến tranh toàn bộ của Mỹ (chiến tranh hóa học, chiến tranh không quân, chính sách Việt-nam hóa và bình định nông thôn...) đối với môi trường sống, đối với con người, tổ chức xã hội, hoạt động kinh tế, và với quyền cơ bản của các dân tộc ở Đông-dương.

Về tác dụng của chiến tranh đối với môi trường tổng hợp, bao gồm môi trường vô cơ và hữu cơ, kể cả con người và tổ chức xã hội, có thông báo « Một số vấn đề về môi trường đặt ra ở Việt-nam do hành động chiến tranh của Mỹ » (Đào Văn Tiến) trong đó tác giả có đặt một số vấn đề nghiên cứu về sự hủy diệt nguồn lợi sinh vật, sự thoái hóa đất đai, nhiễm bẩn nước và không khí và sự mất cân bằng trong nơi ở của người, tức là những vấn đề đang đặt ra ở nhiều nước, nhưng có bản chất và qui mô khác hẳn ở Việt-nam.

Nói riêng về tác dụng của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tới môi trường hữu cơ có các đề tài « Chiến tranh hóa học các chất trừ cỏ làm rụng lá và khí làm chảy nước mắt, các khí độc nói chung » (J. Prohlias), « Những biểu hiện mới của tội diệt chủng của Mỹ ở Đông-dương, tội diệt sinh và diệt sinh thái » (H.G. Guerra) và « Hiệu quả của chiến tranh hóa học và vũ khí mới tới thực vật, động vật và lương thực, thực phẩm của nhân dân Đông-dương ». Trong các đề tài trên, đều có thống kê các loại chất trừ cỏ, chất rụng lá và khí độc đã được dùng ở Đông-dương và tác dụng gây độc trực tiếp của chúng, hoặc thông qua đất đai, nguồn nước, khí hậu,... tới sinh vật. Các tác giả đều kết luận về hậu quả không lường của môi trường thực vật và động vật bị nhiễm độc do các chất độc tích lũy trong sinh chất.

Về tác dụng của chiến tranh tới môi trường vô cơ, có các đề tài : « Sự xâm phạm môi trường địa lý của Đông-dương do chiến tranh xâm lược của Mỹ » và « Sự mất cân bằng sinh thái do chiến tranh hóa học và phá hoại », có nêu do chiến tranh hóa học và chiến tranh không quân mà đất đai, khí hậu, không khí, sông ngòi bị đảo lộn về mặt vật lý hóa học, gây sự hủy diệt dây chuyền các sinh khối (biomasse), từ vi sinh vật tới các thực vật và động vật dẫn tới hiệu quả nghiêm trọng về mặt địa lý—kinh tế ở Đông-dương.

Ngoài ra, còn đề tài « Công trình xây dựng ở Việt-nam và sự tàn phá trước giai đoạn Việt-nam hóa » nêu sự phá hoại nơi ở của nhân dân vùng nông thôn và đô thị, sự tàn phá nhà trường, đình chùa, công trình có giá trị lịch sử, công trình kinh tế, v.v...

Đáng lưu ý là đề tài « Các phương diện pháp lý của chiến tranh hóa học » đã nêu rõ sự bất hợp pháp của chiến tranh hóa học theo công ước Jonevơ năm 1925 và quyết nghị của đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 1969—1970 khẳng định lại công ước đó và trách nhiệm của chính quyền Nixon trong tội ác này.

Về tác dụng của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tới con người trước hết có đề tài « Hình thái mới của chiến tranh sinh vật ở Đông-dương » nêu rõ việc rải chất độc hóa học tác hại tới sinh mệnh con người, gây thay đổi sinh thái ảnh hưởng tới đời sống con người là một hình thái mới của chiến tranh sinh vật, tức loại chiến tranh đã bị nhân loại lên án.

Ngoài ra, các đề tài « Vũ khí sát thương và gây hỏa hoạn, công cụ diệt chủng luôn cải tiến nhằm tăng cường tối đa số nạn nhân và sự đau khổ — xem xét về mặt pháp lý các vũ khí đó » (N.Svarch), « Tồn thương gây ra do bom sát thương » và « Tồn thương di truyền và tác dụng sinh ung thư gây ra do chất trừ cỏ picloram » đã nêu cụ thể tác dụng của chiến tranh không những tới thân thể con người, gây tối đa số nạn nhân vết thương ngày càng khó cứu chữa, mà còn làm thương tổn nhiều thế hệ về sau (do tác dụng gây quái thai, sinh ung thư của chất độc hóa học).

Về tác dụng của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tới sức khỏe con người, có các đề tài: « Tồn thương sinh thái và hậu quả tới sức khỏe con người », « Tác hại trực tiếp và gián tiếp gây ra do vũ khí hóa học trên đất nước Việt-nam » và « Tác hại về canh tác do chiến tranh diệt chủng gây ra và sự hao tổn lương thực trong cuộc chiến tranh phá hoại », trong đó có nêu tác hại của chiến tranh tới nguồn lương thực thực phẩm thiên nhiên cũng như sản phẩm chăn nuôi trồng trọt, trực tiếp bằng cách oanh tạc các kho lương, hủy diệt đồng ruộng, vườn tược, hoặc gián tiếp do sự thoái hóa đất đai và tăng cường sâu bệnh dưới tác dụng của chất độc hóa học.

Ngoài ra, các đề tài : « Hiệu quả của chiến tranh về mặt bệnh lý học địa phương ở Đông-dương », và « Sự tấn công có hệ thống cơ quan i tế nước Việt-nam dân chủ cộng hòa » có

(1) Tạp chí Hoạt động khoa học, 1972, 6, 46—48,

nên, chiến tranh đã gây những ổ dịch địa phương, các chất hóa học đã gây nhiều bệnh ngoài da, và sự hình thành các khu vực nước mới do có nhiều hố bom tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các động vật truyền bệnh, sự phá hủy các nhà thương dễ gây sự lan truyền nhiều bệnh nguy hiểm, và sau hết ở những vùng có chiến sự, sự ăn uống thiếu thốn dễ dẫn đến nhiều bệnh suy dinh dưỡng nguy hiểm.

Về tác hại tới con người đang phát triển, các đề tài: « Sự xâm phạm nền giáo dục như biểu hiện của tội diệt chủng » và « Tai hại của sự tấn công thiếu niên, nhi đồng » đã nêu tội ác của Mĩ ném bom các nhà trường, phá hoại việc phát triển trí tuệ của học sinh Việt-nam, và nêu tai hại của tội diệt chủng tới thế hệ thiếu niên nhi đồng về bốn mặt: sinh trưởng, tâm lý, bệnh lý và giáo dục.

Cạnh đó, có các đề tài: « Giáo dục ở Việt-nam coi như vũ khí chiến tranh nhân dân » và « Sự bảo vệ nhà trường, vườn trẻ chống tác dụng diệt chủng », trong đó có nêu giáo dục là một công cụ tư tưởng hàng đầu để trang bị cho nhân dân quyết tâm chiến đấu tới thắng lợi và giải thích chủ trương sơ tán các trường học ở miền Bắc Việt-nam để tiếp tục công tác đào tạo trong hoàn cảnh chiến tranh.

Về tội diệt chủng của Mĩ trong việc phá hoại nhân tính có các đề tài: « Tội ác hủy diệt nhân tính » (R.Longa), « Sự tăng cường phá hoại đạo lý ở những vùng tạm bị chiếm » (F.Pardiero), « Sự xâm nhập văn hóa đế quốc vào vùng tạm bị chiếm » (L.de Cardenas) và « Sự thương tổn nhân phẩm của thanh niên ở vùng tạm chiếm do sự xâm nhập của đế quốc và sự đấu tranh của nhân dân cho giá trị con người » (R.Lopez). Các đề tài này nêu những tệ nạn xã hội ở vùng tạm chiếm qua các chính quyền Sài-gòn từ Ngô Đình Diệm tới Nguyễn Văn Thiệu (lạm dĩ, ăn cướp, hối lộ, tham nhũng, nghiện ma túy, rượu chè, bài bạc v.v...) và đặc biệt phân tích sự trụy lạc của tầng lớp thanh niên. Mặt khác, cũng có nêu nguyên nhân quan trọng của tệ nạn xã hội này là văn hóa ngoại lai kiểu Mĩ đã xâm nhập miền Nam bằng nhiều cách (thông tin, tuyên truyền, văn nghệ...) giới thiệu số liệu đầy đủ nhất về mặt này, có đề tài tổng hợp « Tội diệt chủng về văn hóa: sự tấn công dụng ý và tàn bạo vào tập quán cổ truyền, phong tục, ngôn ngữ, nghệ thuật, tôn giáo, giáo dục, đạo lý và văn hóa nói chung » (E.Rey).

Cạnh đó có các đề tài nêu sự bảo vệ nền văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt-

nam ở miền Nam cũng như miền Bắc như « Thái độ của các nhà sáng tác chống sự xâm nhập văn hóa ngoại lai ở miền Nam Việt-nam » (A.Pita) nói về hoạt động của các văn nghệ sĩ miền Nam trong vùng tạm chiếm cũng như vùng tự do nhằm bảo vệ nền văn hóa dân tộc khỏi bị ảnh hưởng ngoại lai, và các đề tài « Văn hóa của thiếu nhi ở Việt-nam » (A.Miranda), « Phong trào sáng tác — một vũ khí đấu tranh » (R.Longa) nói tới quá trình và kết quả xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cho thế hệ thiếu nhi miền Bắc và hoạt động của các văn nghệ sĩ miền Bắc về mọi mặt (họa, nhạc, sân khấu, vũ, văn học...)

Đáng lưu ý là ba đề tài « Thầy giáo Việt-nam trên mặt trận chống tội diệt chủng và Việt-nam hóa », « Học sinh Việt-nam chống tội diệt chủng và Việt-nam hóa » và « Sự đào tạo thầy giáo cho mặt trận chống tội diệt chủng và Việt-nam hóa » đã nêu những kinh nghiệm của miền Bắc Việt-nam trong việc tiến hành công tác giáo dục từ mẫu giáo đến đại học, và công tác đào tạo thầy giáo toàn diện trong hoàn cảnh chiến tranh.

Về tác hại của chiến tranh xâm lược tới xã hội miền Nam, có đề tài: « Tội ác Việt-nam hóa — sự bình định và phương pháp tàn sát — chế độ trại tập trung » nêu rõ nội dung chính của học thuyết Ni-xơn và biểu hiện về các mặt của học thuyết này (đàn áp, giết chóc, khổ sai...) đã vi phạm đến quyền cơ bản của con người và xã hội Việt-nam; đề tài « Sự đàn áp ở thành thị và sự chống đối của nhân dân » (M.de la Torre) nêu rõ phong trào của nhân dân đô thị tạm chiếm chống sự áp bức của quân đội Mĩ và chính quyền bù nhìn và sự phối hợp của phong trào này với hoạt động của Mặt trận dân tộc giải phóng. Liên quan tới xã hội vùng nông thôn miền Nam, các đề tài « Ấp chiến lược, sự đô thị hóa kiểu mới của chủ nghĩa đế quốc » và « Các vấn đề về đô thị hóa trong chính sách Việt-nam hóa » nêu rõ chủ trương của Mĩ xây dựng các ấp chiến lược, các nhà giam, những « chuồng cọp » thiếu vệ sinh để nhốt và hành hạ những người yêu nước ở miền Nam, và chủ trương tập trung dân ở các đô thị trong những điều kiện vật chất hoàn toàn thiếu thốn để tiện bề kiểm soát.

Về mặt phá hoại nền kinh tế ở Việt-nam do chiến tranh xâm lược của Mĩ, các đề tài « Tổ chức chính sách bình định và Việt-nam hóa như biện pháp kinh tế dùng để chống nhân dân miền Nam Việt-nam, và mục đích cùng hậu quả của chúng » và « Đông-dương và các trạng

thái kinh tế của chiến lược toàn cầu của đế quốc Mĩ», đã nêu tình hình cơ cực của nhân dân miền Nam ở các ấp chiến lược, các đô thị quá đông người và tình hình suy sụp của nền kinh tế miền Nam do sự lệ thuộc của chính quyền Sài-gòn vào tư bản Mĩ, mặt khác, cũng vạch mặt sự bành trướng kinh tế của chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ trong vùng Đông-dương.

Ngoài ra, hai đề tài «Kết quả của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt-nam và chiến tranh phá hoại cơ sở kinh tế do Mĩ gây ra», «Hậu quả của nền kinh tế Mĩ do chiến tranh xâm lược ở Đông-dương» nêu rõ đường lối xây dựng kinh tế của nước ta qua các giai đoạn cách mạng và tội ác của Mĩ hiện nay trong việc phá hoại nền kinh tế đó. Mặt khác, cũng có nêu tình hình khó khăn của nền kinh tế Mĩ do cuộc chiến tranh xâm lược gây nên, làm cho đời sống của nhân dân Bắc Mĩ bị ảnh hưởng rõ rệt.

Về tai hại của chiến tranh xâm lược tới các hoạt động kinh tế, cụ thể có các đề tài «Sự duy trì hệ thống thủy lợi mặc dù có oanh tạc» và «Kinh nghiệm của Việt-nam duy trì sự giao thông vận tải dưới sự xâm lăng của Mĩ» nêu rõ tầm quan trọng của hệ thống thủy lợi đối với một nước có nông nghiệp là cơ sở như nước ta, và công tác bảo vệ để điều ở miền Bắc chống sự oanh tạc của Mĩ. Mặt khác, cũng có nêu kinh nghiệm duy trì sự giao thông đường bộ, đường thủy và sự liên lạc thông tin dưới mọi hình thức ở miền Bắc mặc dù có chiến tranh phá hoại của địch.

Tội diệt chủng của Mĩ không những xâm phạm tới xã hội miền Nam Việt-nam mà còn tới toàn thể các dân tộc ở Đông-dương. Trong các đề tài «Sự vi phạm hiệp định Jơnevơ về Lào» (M.D'Estéfano), «Sự xâm lược của đế quốc Mĩ tới độc lập chủ quyền và tinh trung lập của Campuchia» (F.A. Tabio) có nêu rõ nội dung của hiệp định Jơnevơ năm 1954 về đình chiến ở Lào và Campuchia, và quá trình vi phạm hiệp định này của Mĩ. Riêng đối với Lào, còn có hiệp định 1961 — 1963 nêu sự thành lập chính phủ hòa hợp dân tộc của Lào và tinh trung lập của nước này, hiệp định đã bị chính phủ Mĩ kiểm soát để vi phạm gây nên tình trạng chiến tranh hiện nay.

Về Việt-nam, đề tài «Sự hợp pháp của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam và sự bất hợp pháp của chế độ bù nhìn ở Sài-gòn» (E. Corona) chứng minh về mặt pháp lý đại diện chính thức của nhân dân miền Nam (đất đai, dân số,...) là Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt-nam chứ không phải

chính quyền miền Nam (từ chế độ Ngô Đình Diệm tới chế độ Nguyễn Văn Thiệu). Sau hết, đề tài «Cuộc chiến đấu cho quyền dân tộc cơ bản của Việt-nam và các dân tộc khác ở Đông-dương» vạch rõ âm mưu của Mĩ xâm phạm trắng trợn vào quyền dân tộc cơ bản (chủ quyền, độc lập, sự thống nhất, quyền tự quyết và sự toàn vẹn lãnh thổ) của nhân dân các nước nói trên cùng sự đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ba nước để bảo vệ các quyền dân tộc hợp pháp đó.

Về di sản tinh thần của các dân tộc Đông-dương, cũng có những đề tài như «Sự xâm phạm tập tục, tín ngưỡng của nhân dân Đông-dương» (I. Barreal), «Phong tục cổ truyền của miền Nam châu Á bị xâm phạm bởi chính sách bình định» (E.R. Betancourt) và «Sự phá hoại và ăn cướp có hệ thống di sản nghệ thuật và văn hóa» (S. Figueroa) nêu tai hại của tội diệt chủng của Mĩ tới đời sống tinh thần của các dân tộc Đông-dương, bằng cách dùng các lực lượng tôn giáo chống lại phong trào giải phóng ở miền Nam Việt-nam, phá hủy lăng mộ để dồn dân vào sống trong các trại tập trung ở miền Nam, bằng cách ăn cướp di sản quí báu của các đình chùa ở Lào, Campuchia v.v... và phá hoại đình chùa, nhà thờ ở ba nước Đông-dương.

Nhìn chung, toàn bộ kế hoạch đề tài đem thảo luận ở hội nghị chuyên đề lần thứ III chống tội diệt chủng của Mĩ đã nhằm những vấn đề chính cần thiết cho việc tìm hiểu bản chất của tội diệt chủng, tội ác chiến tranh, tội ác chống nhân loại của đế quốc Mĩ ở Việt-nam, Lào và Campuchia, và giới thiệu một số kinh nghiệm chiến đấu của nhân dân Việt-nam chống tội ác, diệt chủng đó.

Tuy nhiên, còn một vài vấn đề quan trọng đặt ra hiện nay trên bán đảo Đông-dương mà kế hoạch chưa đề cập tới đúng mức như vấn đề nhiệm bản khung cảnh sinh hoạt của con người Việt-nam do chất độc hóa học, do hơi bom (bom lân tính, napan...) hoặc vấn đề mất cân bằng nơi ở của con người, đặc biệt ở miền Nam Việt-nam (đời sống dưới hầm ngày đêm của hàng triệu nhân dân) hoặc một chủ trương rất lớn về kinh tế của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng kinh tế địa phương nhằm đối phó với chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

Kế hoạch đề tài đặt ra trong hội nghị chuyên đề lần thứ III chống tội diệt chủng

(Xem tiếp trang 44)

cơ bản của việc mô tả khoa học hiện đại những khách thể như vậy liên quan với việc xây dựng những mô hình đơn giản hơn của chúng và với việc tăng liên sau nội dung thông tin của các mô hình này. Khi nói về việc mô hình hóa điều khiển học phải nhớ rằng trong những điều kiện hiện nay thời cơ đơn giản hóa được hình thành không phải hoàn toàn tự phát, do kết quả hạn chế của mỗi giai đoạn lịch sử của hoạt động có ý thức của con người, mà được đưa vào nghiên cứu một cách tự giác (và thường cả một cách hình thức hóa chặt chẽ).

Khía cạnh khác của các phương pháp nghiên cứu điều khiển học là sự thống nhất cái hình thức hóa và cái phi hình thức hóa trong chúng; cái tri thức đúng, hình thức hóa kết hợp trong điều khiển học với các dạng phi hình thức hóa của nhận thức và với những phương pháp được gọi là nửa hình thức hóa kiểu chương trình hóa *ostic*. Cùng với cái đó, xu hướng biến đổi thường xuyên cái ranh giới của hình thức hóa và phi hình thức hóa là nét đặc trưng cho điều khiển học: nhờ sự tiến bộ của các phương tiện hình thức hóa,

các quá trình đã được nhận thức trước đây ở mức độ trực giác, trong những giai đoạn sau của nhận thức được biểu thị dưới ngôn ngữ toán học chính xác, được thuật toán hóa v.v... Nhưng miền của các quá trình phi hình thức hóa khi ấy không trở thành « rỗng » và ngay ở giới hạn cũng không tiến đến « không »: chúng ta phát hiện những hiện tượng mới và mở ra những phương diện mới dường như ở những quá trình đã được nghiên cứu khá kĩ và cái mới này phải « trước hết, trong bất kì trường hợp nào » hiểu bằng tư duy có nội dung phong phú. Quá trình tương tác như vậy của hình thức hóa và phi hình thức hóa của các nhân tố nhận thức khoa học, chúng ta gặp rất nhiều trong lí thuyết (và trong thực tiễn) tối ưu hóa các hệ động, khi mà chúng ta bắt tay vào thử nghiệm hình thức hóa một cái « tiêu bản » cho trước do những yêu cầu đang được phát triển của con người, khi đặt các « hàm mục tiêu » cần cho việc tối ưu hóa các hệ này.

NGÔ ĐẠT TỨ

dịch từ « Tin tức Viện hàn lâm
Khoa học Liên-xô » số 9 năm 1972

VỀ KẾ HOẠCH ĐỀ TÀI...

(Tiếp theo trang 28)

của Mĩ ở Việt-nam, mở rộng sang Lào và Campuchia đã được xây dựng rất công phu do một tập thể rộng lớn các nhà khoa học Cuba. Chắc chắn nó sẽ được sự hưởng ứng của tất cả các nhà khoa học quan tâm tới việc bảo vệ đời sống chính đáng

cho con người chống sự nhiễm bẩn của khung cảnh sinh hoạt hiện nay, mà Việt-nam là nơi biểu hiện nghiêm trọng nhất trên thế giới, quan tâm tới việc bảo vệ quyền dân tộc cơ bản của các dân tộc muốn lên án một trong những cuộc chiến tranh xâm lược tàn ác nhất trong lịch sử loài người do đế quốc Mĩ gây ra cho nhân dân Đông-dương.